

Số: 20/2026/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 190/TTr-STC ngày 12/01/2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND Tỉnh;
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Ban của HĐND Tỉnh;
- Các cơ quan TW tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn Tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Trung tâm Tin học và Công báo – VPUBND Tỉnh;
- Công TTĐT Tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Dũng

QUY TRÌNH

Kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01
năm 2026 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định về hoạt động, trình tự, thủ tục kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra.
- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Mục đích kiểm tra

Hoạt động kiểm tra nhằm chấn chỉnh và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý kịp thời hành vi vi phạm; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Qua kiểm tra, yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra khi cần thiết; nếu có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra để xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra

- Tuân theo pháp luật, khách quan, kịp thời, chính xác.
- Bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm toán nhà nước của cơ quan có thẩm quyền; không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra khác.
- Bảo đảm sự phối hợp với các cơ quan liên quan; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.
- Ưu tiên việc tiến hành kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

5. Miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền kiểm tra

1. Cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 6 Điều 21 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

2. Người có thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Điều 6. Phạm vi, đối tượng và nội dung kiểm tra

1. Phạm vi kiểm tra là việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành về đăng ký kinh doanh.

2. Đối tượng kiểm tra là các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Kiểm tra theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Điều 7. Hình thức và tần suất kiểm tra

1. Việc kiểm tra được thực hiện bằng hình trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

2. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

Chương II

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA; TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ KIỂM TRA

Điều 8. Ban hành quyết định kiểm tra

1. Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định kiểm tra.

2. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra:

a) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh;

b) Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền;

c) Theo kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có).

3. Nội dung quyết định kiểm tra

a) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra;

b) Phạm vi, nội dung kiểm tra;

c) Đối tượng kiểm tra;

d) Địa điểm, thời hạn kiểm tra.

Điều 9. Thành lập Đoàn kiểm tra

1. Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Đoàn kiểm tra để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Đoàn kiểm tra gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên.

2. Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích với đối tượng kiểm tra theo quy định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Ban hành Kế hoạch tiến hành kiểm tra

1. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra trình người ra quyết định kiểm tra phê duyệt.

2. Kế hoạch tiến hành kiểm tra có các nội dung gồm: mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra.

Điều 11. Tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Công bố quyết định kiểm tra

a) Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra và thông báo chương trình làm việc;

b) Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật quả tang thì tiến hành kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan.

3. Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản kiểm tra thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản;

b) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính thì Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp qua kiểm tra mà chưa đủ thẩm quyền để xem xét, đánh giá, làm rõ thì Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra để yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra;

d) Trường hợp phát hiện dấu hiệu tội phạm, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra để kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu

có liên quan đến cơ quan điều tra xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra trình người ra quyết định kiểm tra.

4. Đối với các cuộc kiểm tra thuộc thẩm quyền của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy trình này thì sau khi kết thúc toàn bộ quá trình kiểm tra phải ban hành kết luận kiểm tra.

Điều 12. Tổ chức thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra, kết luận kiểm tra

1. Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra (nếu có); trường hợp cần thiết thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên để có biện pháp xử lý, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyết định xử lý về kiểm tra.

2. Đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyết định xử lý về kiểm tra, kết luận kiểm tra.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh theo dõi việc thực hiện kết luận kiểm tra; đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ đăng ký kinh doanh thực hiện kết luận kiểm tra; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ sau khi kiểm tra; phối hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp cưỡng chế đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh không thực hiện theo các nội dung kết luận, biện pháp khắc phục theo quy định.

Điều 13. Lưu trữ hồ sơ

1. Hồ sơ kiểm tra bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra chuyên đề, Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có); quyết định kiểm tra; quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; các hồ sơ do Đoàn kiểm tra cung cấp và các tài liệu khác có liên quan;

b) Các tài liệu chứng minh cho thông tin làm cơ sở cho việc hình thành kết luận kiểm tra tại từng đối tượng kiểm tra;

c) Biên bản kiểm tra, Biên bản vi phạm hành chính, Báo cáo kết quả kiểm tra.

2. Hồ sơ kiểm tra được lưu trữ, bảo quản theo quy định của pháp luật.

Chương III

LẬP, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH, CÔNG KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ

Điều 14. Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch kiểm tra chuyên đề

1. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu quản lý nhà nước thì:
 - a) Giám đốc Sở Tài chính xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề;
 - b) Trưởng phòng Phòng Kinh tế (đối với xã), Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề.
2. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã phải gửi cho Thanh tra tỉnh và cơ quan thanh tra có liên quan (nếu có) để xử lý chồng chéo, trùng lặp, trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt.
3. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt phải gửi cho đối tượng thuộc kế hoạch kiểm tra.

Điều 15. Điều chỉnh kế hoạch kiểm tra chuyên đề

1. Trường hợp có những lý do cần điều chỉnh kế hoạch kiểm tra chuyên đề để phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế thì:
 - a) Giám đốc Sở Tài chính xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm tra chuyên đề;
 - b) Trưởng phòng Phòng Kinh tế (đối với xã), Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm tra chuyên đề.
2. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phải gửi cho Thanh tra tỉnh và cơ quan thanh tra có liên quan (nếu có) để xử lý chồng chéo, trùng lặp, trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.
3. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phải gửi cho đối tượng thuộc kế hoạch kiểm tra.

Chương IV

CÔNG TÁC PHỐI HỢP, CHIA SẺ THÔNG TIN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ, CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA

Điều 16. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin

1. Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.
2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có

hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Kết quả kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động kiểm tra

1. Phối hợp, thực hiện các yêu cầu, đề nghị, quyết định xử lý của Đoàn kiểm tra và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện giám sát hoạt động của Đoàn kiểm tra; thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Công tác theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra

Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm:

1. Theo dõi, đôn đốc, kiểm soát hoạt động kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo đúng nội dung quyết định kiểm tra đã ban hành.

2. Phối hợp xem xét việc chấp hành pháp luật về kiểm tra, việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có thông tin phản ánh, kiến nghị, tố cáo để áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 19. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra

Căn cứ tình hình, điều kiện, khả năng thực tế Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành nội dung về đăng ký kinh doanh; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung tại Quy trình này; đôn đốc các đoàn kiểm tra; giải quyết khó khăn vướng mắc, xử lý kịp thời kiến nghị theo thẩm quyền.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp kiểm tra theo quy định của pháp luật hiện hành và nội dung tại Quy trình này.

3. Đối tượng kiểm tra có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra chưa được quy định tại Quy trình này hoặc đã được quy định cụ thể tại văn bản có tính pháp lý cao hơn thì thực hiện theo quy định tại văn bản có tính pháp lý cao hơn.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

